

Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**  
Mã chứng khoán: **HAP.**  
Địa chỉ trụ sở chính: **Tầng 3, Tòa nhà Green, Số 7 Lô 28A đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.**  
Điện thoại: **(84 225) 3556 002**  
Fax: **(84 225) 3556 008**  
Người công bố thông tin: **Vũ Xuân Thịnh – Phó Tổng Giám đốc**

**Nội dung thông tin công bố:**

Căn cứ quy định về công bố thông tin, Công ty CP Tập đoàn HAPACO xin công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO: [www.hapaco.vn](http://www.hapaco.vn) mục Quan hệ cổ đông vào ngày 27/03/2025.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

  
  
**Vũ Xuân Thịnh**

Số: 15/2025/CV-HAP

"V/v giải trình BCTC riêng năm 2024"

Hà Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco giải trình nội dung sau:

**1. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.**

Chi tiết chênh lệch Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 với năm 2023: (đơn vị tính : đồng VN)

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch	Tỷ lệ thay đổi
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.631.653.738	- 29.959.874.247	-32.591.527.985	-1.238%

**Nguyên nhân:** Hoạt động chủ yếu của Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco (Công ty mẹ) là hoạt động đầu tư tài chính. Năm 2024, do ảnh hưởng của cơn bão Yagi nên hoạt động của các công ty thành viên gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, do tình hình khó khăn chung, các đối tác kinh doanh và đầu tư có kết quả kinh doanh không tốt, Công ty đã đánh giá và trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cũng làm tăng các khoản chi phí của Công ty.

Từ các nguyên nhân chủ yếu trên dẫn đến lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của Công ty trong năm 2024 giảm so với năm 2023.

**2/ Giải trình số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên**

Chi tiết chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN trước và sau kiểm toán: (đơn vị tính : đồng VN)

Nội dung	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ thay đổi
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.054.126.596	- 29.959.874.247	-31.014.000.843	-2.942%

Báo cáo tài chính đã kiểm toán điều chỉnh tăng chi phí dự phòng đầu tư tài chính và dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với một số khoản công nợ được đánh giá là khó có khả năng thu hồi.

Trên đây là những giải trình của Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco về lợi nhuận sau thuế TNDN của Tập đoàn Hapaco.

Trân trọng ./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VP, TCKT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

PHỤ TÓNG GIÁM ĐỐC - PHỤ TRÁCH



VU XUÂN THỦY

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
HAPACO**

**Báo cáo tài chính riêng  
đã kiểm toán cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	1
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7 - 8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 26



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

## THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

### THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần Hapaco theo Quyết định số 1912/QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 của UBND thành phố Hải Phòng. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được đổi tên từ Công ty Cổ phần Hapaco theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200371361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 12 tháng 08 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán HAP.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch
- Ông Vũ Xuân Thủy	Phó chủ tịch
- Ông Vũ Xuân Thịnh	Ủy viên
- Ông Vũ Xuân Cường	Ủy viên
- Ông Phạm Công Ngữ	Ủy viên
- Ông Nguyễn Đức Hậu	Ủy viên
- Ông Đoàn Đức Luyện	Ủy viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Vũ Xuân Thủy	Phó Tổng Giám đốc phụ trách
- Ông Vũ Xuân Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng Giám đốc

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Phạm Đức Phiên	Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	Thành viên
- Bà Khoa Thị Thanh Huyền	Thành viên

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là ông Vũ Dương Hiền - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Vũ Xuân Thủy - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Tổng Giám đốc được ông Vũ Dương Hiền ủy quyền ký Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 80/2022/GUQ-HAP của Chủ tịch Hội đồng quản trị ngày 20/10/2022.

### TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng giám đốc chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đính kèm được trình bày từ trang 04 đến trang 26. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Như được trình bày tại Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng số I.5 của báo cáo tài chính, Công ty là công ty mẹ của các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng lẻ. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần được đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

  
Phó Tổng Giám đốc phụ trách  
Vũ Xuân Thủy



Số: BC/BDO/2025.265

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2025 từ trang 4 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO



**Bùi Văn Vượng - Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán 0780-2023-038-1

**Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán 1906-2023-038-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

**B01-DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>167.181.422.162</b>	<b>552.078.645.281</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.158.902.853</b>	<b>1.905.935.705</b>
1. Tiền	111		158.902.853	1.905.935.705
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>25.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.1	25.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>140.692.722.417</b>	<b>549.892.665.737</b>
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	25.163.500
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.1	33.231.806.070	292.335.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3.1	208.794.338.407	339.639.483.074
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(101.333.422.060)	(82.106.980.837)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>329.796.892</b>	<b>280.043.839</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		329.796.892	280.043.839
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.014.448.352.831</b>	<b>647.111.131.670</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	-	-
<i>Nguyên giá</i>	222		796.235.000	796.235.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(796.235.000)	(796.235.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>775.164.084</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	775.164.084
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2.2</b>	<b>1.014.448.352.831</b>	<b>646.335.967.586</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.028.300.577.586	196.627.461.496
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	442.173.116.090
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		17.000.000.000	40.624.251.523
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(30.852.224.755)	(33.088.861.523)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.181.629.774.993</b>	<b>1.199.189.776.951</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

B01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>40.310.830.548</b>	<b>27.910.958.259</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>40.310.830.548</b>	<b>27.910.958.259</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	1.888.258.688	1.888.258.688
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	37.116.261.124	23.387.020.815
3. Phải trả người lao động	314		160.890.170	138.704.400
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		90.000.000	140.173.447
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	1.019.679.693	2.312.060.036
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		35.740.873	44.740.873
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.141.318.944.445</b>	<b>1.171.278.818.692</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.10</b>	<b>1.141.318.944.445</b>	<b>1.171.278.818.692</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.110.977.720.000	1.110.977.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.110.977.720.000	1.110.977.720.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.895.944.671	29.895.944.671
3. Cổ phiếu quỹ	415		(4.570.790.000)	(4.570.790.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.234.041.664	6.234.041.664
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.217.971.890)	28.741.902.357
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28.741.902.357	26.110.248.619
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(29.959.874.247)	2.631.653.738
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.181.629.774.993</b>	<b>1.199.189.776.951</b>

Người lập biểu



Hoàng Phú Sơn

Kế toán trưởng



Hoàng Phú Sơn

Lập ngày 27 tháng 03 năm 2025

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Vũ Xuân Thủy

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**B02-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	6.878.209.791	26.917.805.043
7. Chi phí tài chính	22	VI.2	(8.311.552.088)	(9.843.382.021)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	36.515.068
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	49.198.234.527	34.129.533.326
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>(34.008.472.648)</b>	<b>2.631.653.738</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.4	20.484.904.436	-
12. Chi phí khác	32	VI.5	16.436.306.035	-
13. <b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>4.048.598.401</b>	-
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>(29.959.874.247)</b>	<b>2.631.653.738</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>(29.959.874.247)</b>	<b>2.631.653.738</b>

Lập ngày 27 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc phụ trách





Hoàng Phú Sơn

Hoàng Phú Sơn

Vũ Xuân Thủy

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

B03-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(29.959.874.247)	2.631.653.738
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		-	17.727.176
- Các khoản dự phòng	03		16.989.804.455	6.010.274.729
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.878.209.791)	(26.917.805.043)
- Chi phí lãi vay	06		-	36.515.068
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(19.848.279.583)	(18.221.634.332)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		123.070.684.566	(5.130.713.443)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		13.184.036.373	(9.575.593.267)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(36.515.068)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(1.027.493.787)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.000.000)	(12.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>116.397.441.356</b>	<b>(34.003.949.897)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(167.231.806.070)	(465.735.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		400.570.000.000	110.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(389.500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		24.221.712.500	267.800.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.795.619.362	57.293.455.043
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(117.144.474.208)</b>	<b>(30.141.544.957)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)**

**B03-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(55.466.407.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(55.466.407.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(747.032.852)</b>	<b>(119.611.902.354)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>1.905.935.705</b>	<b>121.517.838.059</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>1.158.902.853</b>	<b>1.905.935.705</b>

Lập ngày 27 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc phụ trách





Hoàng Phú Sơn

Hoàng Phú Sơn

Vũ Xuân Thủy



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần Hapaco theo Quyết định số 1912/QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 của UBND thành phố Hải Phòng. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được đổi tên từ Công ty Cổ phần Hapaco theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200371361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 12 tháng 08 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán HAP.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh

*Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:*

- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán.

#### 3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là được tính theo năm dương lịch, thường không quá 12 tháng.

#### 4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green đã trở thành công ty con của công ty từ ngày 21/08/2024, trước đó Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green là công ty liên kết của Công ty.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, ngoài sự kiện nêu trên trong năm không có sự kiện hay hoạt động nào gây ảnh hưởng đáng kể tới Báo cáo tài chính riêng.

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 6 công ty con, chi tiết như sau:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
<b>Công ty con</b>					
1	Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (tiền thân là Công ty TNHH Hapaco Hải Âu)	Số 441A, Tôn Đức Thắng, Hải Phòng	Sản xuất giấy	99,91%	99,91%
2	Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Thôn Nước Mát, Xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
3	Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	Xã Vạn Mai, Mai Châu, Hòa Bình	Trồng rừng, sản xuất giấy	100,00%	100,00%
4	Công ty Cổ phần Hải Hà	Vĩnh Tuy, Bắc Quang, Hà Giang	Sản xuất giấy	73,07%	73,07%
5	Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco (tiền thân là Công ty TNHH Hapaco H.P.P)	Xã Đại Bản, An Dương, Hải Phòng	Sản xuất giấy	99,89%	99,89%
6	Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	Số 738, Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ bệnh viện	81,83%	81,83%

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**6. Nhân viên**

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 12 người (tại ngày 31/12/2023 là 12 người).

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm:** Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 (“Báo cáo tài chính hợp nhất”) theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng của năm tài chính gần nhất.

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (không quá 3 tháng), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## **2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, nếu các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định khác thì các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được giảm trừ trực tiếp vào giá trị khoản đầu tư.

### **Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những đơn vị mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết.

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con, công ty liên kết sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm.

### **Đầu tư vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.

- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu về cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...).

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu, căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ chi phí Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình đối với từng trường hợp được áp dụng phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau khi đưa tài sản cố định vào hoạt động (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán riêng. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận là khoản lãi hoặc lỗ và trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của công ty.

Tài sản cố định hữu hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

<b><u>Nhóm TSCĐ</u></b>	<b><u>Số năm</u></b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 05 năm

#### **5. Nguyên tắc kế toán thuế**

##### **Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%). Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### **Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



**6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: Phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...).

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: Chi phí kiểm toán và phí lưu ký chứng khoán.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**a) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền nhận được cao hơn mệnh giá của cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng về thuế được ghi giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

**b) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án phát hành đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu mua lại và giá trị thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng kỳ tài chính (kỳ trước, kỳ này), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

**d) Nguyên tắc ghi nhận Quỹ đầu tư phát triển**

Theo quy định tại Điều lệ Công ty, việc trích và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển như sau:

Tỷ lệ trích lập: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**9. Nguyên tắc kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

***Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay***

Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

***Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia***

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia được xác lập. Cổ tức cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức và lợi nhuận được chia nhận được liên quan đến giai đoạn trước ngày mua lại khoản đầu tư được ghi giảm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

***Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính***

Được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu khoản đầu tư được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết). Thu nhập này được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư.

**10. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và chi phí tài chính khác. Chi phí tài chính của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong năm.

**11. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**12. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.2.

**13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: Chi phí đầu tư XD CB, mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh (TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình); chi phí cải tạo, nâng cấp TSCĐ; mua sắm bất động sản đầu tư (trường hợp cần có giai đoạn đầu tư xây dựng); Chi phí đầu tư XD CB bất động sản đầu tư; Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ, bất động sản đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	26.311.615	89.025.321
Tiền gửi ngân hàng	132.591.238	1.816.910.384
<b>Cộng</b>	<b>158.902.853</b>	<b>1.905.935.705</b>
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	-
<b>Cộng tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>1.158.902.853</b>	<b>1.905.935.705</b>

(\*) Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Lạc Viên, kỳ hạn 03 ngày với mức lãi suất 0,1%/năm.

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

**2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (*)	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Lạc Viên kỳ hạn 9 tháng, lãi suất 5,45%/năm theo hợp đồng số 30096039938 ngày 02/10/2024.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**2.2 Đầu tư tài chính dài hạn**

Tên đơn vị	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>1.028.300.577.586</b>	<b>(13.852.224.755)</b>	-	<b>196.627.461.496</b>	<b>(11.841.980.000)</b>	-
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	41.628.175.931	-	(**)	41.628.175.931	-	(**)
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	12.891.166.000	-	(**)	12.891.166.000	-	(**)
Công ty Cổ phần Hải Hà	9.500.000.000	(80.104.645)	(**)	8.000.000.000	-	(**)
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	7.238.119.565	(195.382.386)	(**)	7.238.119.565	(1.989.529.232)	(**)
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	126.870.000.000	(13.576.737.724)	(**)	126.870.000.000	(9.852.450.768)	(**)
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green (*)	830.173.116.090	-	(**)	-	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	-	-	-	<b>442.173.116.090</b>	-	(**)
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green (*)	-	-	-	442.173.116.090	-	(**)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>17.000.000.000</b>	<b>(17.000.000.000)</b>	-	<b>40.624.251.523</b>	<b>(21.246.881.523)</b>	<b>19.377.370.000</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	-	-	-	23.624.251.523	(4.246.881.523)	19.377.370.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco	15.000.000.000	(15.000.000.000)	(**)	15.000.000.000	(15.000.000.000)	(**)
Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	2.000.000.000	(2.000.000.000)	(**)	2.000.000.000	(2.000.000.000)	(**)
<b>Cộng</b>	<b>1.045.300.577.586</b>	<b>(30.852.224.755)</b>		<b>679.424.829.109</b>	<b>(33.088.861.523)</b>	

(\*) Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày 20/08/2024.

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thông tin chi tiết của các công ty con, bao gồm ngành nghề kinh doanh, tỷ lệ quyền biểu quyết, tỷ lệ lợi ích được trình bày tại thuyết minh số I.5 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng này.

Các giao dịch với giữa Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh số VII.2 - Giao dịch với các bên liên quan của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**3. Phải thu khác**

**3.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu khác các bên liên quan</b>	<b>112.974.683.303</b>	<b>242.644.909.104</b>
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	912.219.178	1.240.000.000
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	3.480.000.000	5.880.000.000
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	11.860.114.039	9.135.875.000
Công ty Cổ phần Hải Hà	1.119.922.000	1.599.922.000
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	2.492.757.107	298.753.821
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	83.303.999.597	94.781.803.901
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	663.017.782	663.017.782
Ủy quyền gửi tiền tiết kiệm ông Vũ Dương Hiền	9.000.000.000	128.900.000.000
Công ty TNHH Xuất khẩu lao động và Dịch vụ du lịch Hapaco	142.653.600	145.536.600
<b>Phải thu các đối tượng khác</b>	<b>95.819.655.104</b>	<b>96.994.573.970</b>
Tạm ứng	10.000.000	10.000.000
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	32.150.675.830	28.018.504.970
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Ủy thác đầu tư chứng khoán	45.450.000.000	45.450.000.000
Tạm ứng cho Văn phòng đại diện tập đoàn thực hiện dự án tại số 47 Phố Mới, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng thực hiện dự án Bệnh viện Việt - Hàn - Trung tâm chăm sóc người Cao tuổi Thủy Nguyên	8.397.819.000	8.397.819.000
Phải thu của công nợ ứng trước cho các cá nhân thực hiện các công việc cho Công ty	9.471.400.000	9.471.400.000
Phải thu lãi cho vay	339.760.274	5.646.850.000
<b>Cộng</b>	<b><u>208.794.338.407</u></b>	<b><u>339.639.483.074</u></b>

**3.2 Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Trong năm, biến động của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>74.606.980.837</b>	<b>71.912.863.521</b>
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	4.555.209.091	2.694.117.316
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(10.685.177.767)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>68.477.012.161</u></b>	<b><u>74.606.980.837</u></b>

**4. Phải thu về cho vay**

**4.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu về cho vay các bên khác</b>	<b>-</b>	<b>267.335.000.000</b>
Cho vay các cá nhân	-	267.335.000.000
<b>Phải thu về cho vay các bên liên quan</b>	<b>33.231.806.070</b>	<b>25.000.000.000</b>
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	6.231.806.070	-
<b>Cộng</b>	<b><u>33.231.806.070</u></b>	<b><u>292.335.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B09-DN

**4.2 Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Trong năm, biến động của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	7.500.000.000	-
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	17.500.000.000	7.500.000.000
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Xóa nợ bằng khoản dự phòng trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>25.000.000.000</u></b>	<b><u>7.500.000.000</u></b>

**5. Nợ xấu**

*Các khoản phải thu quá hạn thanh toán, hoặc không quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi*

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	32.150.675.830	-	28.018.504.970	-
Hoàng Văn Vịnh	9.471.400.000	-	9.471.400.000	-
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	25.663.017.782	-	25.663.017.782	17.500.000.000
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	11.860.114.039	-	8.135.875.000	-
Nguyễn Tuấn Anh - Ủy thác đầu tư chứng khoán	45.450.000.000	31.659.604.591	45.450.000.000	25.529.635.915
Ông Bùi Doãn Nhân, ông Nguyễn Tuấn Anh - tiền tạm ứng thực hiện các dự án cho Công ty	8.397.819.000	-	8.397.819.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>132.993.026.651</u></b>	<b><u>31.659.604.591</u></b>	<b><u>125.136.616.752</u></b>	<b><u>43.029.635.915</u></b>

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	490.904.545	200.000.000	105.330.455	796.235.000
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>490.904.545</u></b>	<b><u>200.000.000</u></b>	<b><u>105.330.455</u></b>	<b><u>796.235.000</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	490.904.545	200.000.000	105.330.455	796.235.000
Khấu hao trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>490.904.545</u></b>	<b><u>200.000.000</u></b>	<b><u>105.330.455</u></b>	<b><u>796.235.000</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 796.235.000 VND (tại ngày 31/12/2023 là 796.235.000 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	1.294.044.600	1.294.044.600	1.294.044.600	1.294.044.600
Các nhà cung cấp khác	594.214.088	594.214.088	594.214.088	594.214.088
<b>Cộng</b>	<b>1.888.258.688</b>	<b>1.888.258.688</b>	<b>1.888.258.688</b>	<b>1.888.258.688</b>

**8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Thuế phải nộp*

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.654.065.086	-	-	20.654.065.086
Thuế thu nhập cá nhân	2.732.955.729	499.276.182	3.201.331.911	30.900.000
Thuế khác	-	16.434.296.038	3.000.000	16.431.296.038
<b>Cộng</b>	<b>23.387.020.815</b>	<b>16.933.572.220</b>	<b>3.204.331.911</b>	<b>37.116.261.124</b>

**9. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	<b>1.293.668.543</b>
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	-	1.293.668.543
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>1.019.679.693</b>	<b>1.018.391.493</b>
Kinh phí công đoàn	26.204.520	23.527.200
Bảo hiểm xã hội	36.930.120	30.865.200
Bảo hiểm y tế	6.517.080	5.446.800
Bảo hiểm thất nghiệp	1.996.480	1.520.800
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	677.101.800	536.101.800
Cổ tức phải trả cổ đông	36.681.270	36.681.270
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	234.248.423	384.248.423
<b>Cộng</b>	<b>1.019.679.693</b>	<b>2.312.060.036</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**10. Vốn chủ sở hữu**

**10.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

<b>Nội dung</b>	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
Số dư đầu năm trước	1.110.977.720.000	29.895.944.671	(4.570.790.000)	46.234.041.664	41.581.399.619	1.224.118.315.954
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	2.631.653.738	2.631.653.738
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(55.471.151.000)	(55.471.151.000)
Chuyển Quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	-	(40.000.000.000)	40.000.000.000	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.110.977.720.000</b>	<b>29.895.944.671</b>	<b>(4.570.790.000)</b>	<b>6.234.041.664</b>	<b>28.741.902.357</b>	<b>1.171.278.818.692</b>
Số dư đầu năm nay	1.110.977.720.000	29.895.944.671	(4.570.790.000)	6.234.041.664	28.741.902.357	1.171.278.818.692
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	(29.959.874.247)	(29.959.874.247)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.110.977.720.000</b>	<b>29.895.944.671</b>	<b>(4.570.790.000)</b>	<b>6.234.041.664</b>	<b>(1.217.971.890)</b>	<b>1.141.318.944.445</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**10.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Vũ Dương Hiền	143.683.340.000	143.683.340.000
Các cổ đông khác	967.294.380.000	967.294.380.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.110.977.720.000</u></b>	<b><u>1.110.977.720.000</u></b>

**10.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.110.977.720.000	1.110.977.720.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ <b>Vốn góp cuối năm</b>	<b><u>1.110.977.720.000</u></b>	<b><u>1.110.977.720.000</u></b>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	(55.471.151.000)

**10.4 Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	111.097.772	111.097.772
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	111.097.772	111.097.772
- Cổ phiếu phổ thông	111.097.772	111.097.772
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470	155.470
- Cổ phiếu phổ thông	155.470	155.470
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.942.302	110.942.302
- Cổ phiếu phổ thông	110.942.302	110.942.302
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**1. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.987.080.271	19.917.805.043
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.293.668.543	7.000.000.000
Lãi từ bán khoản đầu tư dài hạn	597.460.977	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.878.209.791</u></b>	<b><u>26.917.805.043</u></b>

**2. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	-	36.515.068
Chi phí tài chính khác	55.053.356	7.647.182
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(8.366.605.444)	(9.887.544.271)
<b>Cộng</b>	<b><u>(8.311.552.088)</u></b>	<b><u>(9.843.382.021)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**3. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.333.950.039	3.709.334.967
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	25.165.000	5.863.636
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	17.727.176
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.016.500
Chi phí dự phòng	25.356.409.899	15.897.819.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.704.545.505	13.798.010.100
Chi phí bằng tiền khác	775.164.084	697.761.947
<b>Cộng</b>	<b><u>49.198.234.527</u></b>	<b><u>34.129.533.326</u></b>

**4. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần (*)	20.282.334.436	-
Các khoản khác	202.570.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>20.484.904.436</u></b>	<b><u>-</u></b>

(\*): Thu nhập bổ sung từ việc chuyển nhượng 347.976 CP của Công ty cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng theo Bản thỏa thuận số 03 ngày 14/08/2024 và các văn bản điều chỉnh có liên quan.

**5. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp thuế	16.431.296.038	-
Các khoản khác	5.009.997	-
<b>Cộng</b>	<b><u>16.436.306.035</u></b>	<b><u>-</u></b>

**6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	3.333.950.039	3.709.334.967
Chi phí công cụ, dụng cụ	25.165.000	5.863.636
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	17.727.176
Chi phí dự phòng	25.356.409.899	15.897.819.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.704.545.505	13.798.010.100
Chi phí khác bằng tiền	778.164.084	700.778.447
<b>Cộng</b>	<b><u>49.198.234.527</u></b>	<b><u>34.129.533.326</u></b>

**7. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	(29.959.874.247)	2.631.653.738
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	15.312.737.492	(6.302.238.053)
Các khoản điều chỉnh tăng	16.606.406.035	697.761.947
Chi phí phạt	16.436.306.035	-
Thu nhập của thành viên không chuyên trách	170.100.000	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	-	697.761.947
Các khoản điều chỉnh giảm	1.293.668.543	7.000.000.000
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	1.293.668.543	7.000.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	(14.647.136.755)	(3.670.584.315)
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	-	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	-	-

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### 2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Phó Tổng Giám đốc phụ trách, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

#### 2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>1.585.129.580</b>	<b>1.669.665.000</b>
Ông Vũ Dương Hiền	447.181.000	465.059.000
Ông Vũ Xuân Thủy	330.924.000	339.192.000
Ông Vũ Xuân Cường	311.530.000	314.336.000
Ông Vũ Xuân Thịnh	284.338.000	289.953.000
Ông Nguyễn Đức Hậu	56.700.000	75.600.000
Ông Phạm Công Ngữ	97.756.580	50.400.000
Ông Phí Trọng Phúc (*)	(*)	12.600.000
Ông Đoàn Đức Luyện	56.700.000	75.600.000
Ông Bùi Doãn Nhân (*)	(*)	46.925.000
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Ban kiểm soát</b>	<b>542.487.600</b>	<b>501.317.732</b>
Ông Phạm Đức Phiên	56.700.000	75.600.000
Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	241.795.200	209.481.900
Bà Khoa Thị Thanh Huyền	243.992.400	216.235.832
<b>Kế toán trưởng</b>	<b>139.459.000</b>	<b>144.883.368</b>
Bà Cao Thị Thúy Lan - Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ 17/03/2025)	139.459.000	144.883.368
<b>Thu nhập thành viên Ban lãnh đạo</b>	<b>2.267.076.180</b>	<b>2.315.866.100</b>

(\*) Năm 2024, các cá nhân này không còn là thành viên chủ chốt của Công ty

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các giao dịch khác:		
- Công ty vay	-	2.000.000.000
- Trả tiền vay	-	2.000.000.000
- Ủy quyền gửi tiền tiết kiệm	6.000.000.000	173.400.000.000
- Thu lại tiền ủy quyền gửi tiết kiệm	125.900.000.000	85.500.000.000
- Nhận lãi tiền gửi tiết kiệm ủy quyền	4.368.141.799	7.217.629.363
- Chi cổ tức	-	14.200.909.500

**2.2 Các bên liên quan khác**

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	Công ty con
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Hải Hà	Công ty con
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	Công ty con
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc tế Green	Công ty con của Công ty
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Ông Vũ Dương Hiền là chủ tịch Hội đồng quản trị (đến ngày 21/09/2024) kiêm Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ 01/08/2024)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco	Ông Vũ Dương Hiền là chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	Ông Vũ Dương Hiền là chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	Ông Vũ Dương Hiền là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	Ông Vũ Dương Hiền là Giám đốc Công ty

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Bao bì Ông giấy Hải Dương	Ông Vũ Xuân Anh đại diện pháp luật của công ty là con của ông Vũ Xuân Thùy
Công ty TNHH Xuất khẩu lao động và Dịch vụ du lịch Hapaco	Ông Vũ Dương Hiền là Giám đốc Công ty
Công ty TNHH Hapaco Phương Đông	Ông Vũ Dương Hiền là đại diện pháp luật của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan này trong năm như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng</b>		
Phải thu cổ tức lợi nhuận được chia	-	3.000.000.000
Thu tiền cổ tức	1.293.668.543	10.170.000.000
Trả hộ tiền phạt thuế	2.194.003.286	-
<b>Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn</b>		
Phải thu cổ tức lợi nhuận được chia	-	4.000.000.000
Thu tiền cổ tức	2.400.000.000	5.400.000.000
<b>Công ty cổ phần Hải Hà</b>		
Góp vốn bổ sung	1.500.000.000	-
Thu tiền cổ tức	480.000.000	480.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc</b>		
Thu tiền cổ tức	-	350.000.000
Cho vay	2.000.000.000	-
Lãi cho vay dự thu	32.219.178	-
Chuyển tiền về Công ty mẹ	360.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green</b>		
Phải trả tiền chi hộ	-	4.000.000.000
Thanh toán công nợ	-	26.622.500.000
Xóa nợ phải trả	50.700.000	-
Cho vay	13.231.806.070	-
Nhận tiền từ khoản cho vay	7.000.000.000	-
Lãi cho vay dự thu	52.195.696	-
Chuyển tiền về Tập đoàn	11.530.000.000	-
<b>Công ty TNHH Vida Hải Phòng</b>		
Thu tiền cho vay	-	25.000.000.000
Phải thu tiền chi hộ	2.774.239.039	1.000.000.000
<b>Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội</b>		
Cho vay	-	25.000.000.000
<b>Công ty TNHH Xuất khẩu lao động và Dịch vụ du lịch Hapaco</b>		
Phải thu tiền chi hộ	-	145.536.600
Thu tiền du lịch	2.883.000	-

**2.3 Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3; V.4; V.9.

**3. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

**Người lập biểu**



**Hoàng Phú Sơn**

**Kế toán trưởng**



**Hoàng Phú Sơn**

Lập ngày 27 tháng 03 năm 2025

**Phó Tổng Giám đốc phụ trách**



**Vũ Xuân Thủy**